

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index trải qua một phiên giao dịch giằng co cân sức trong ngày hôm nay và kết phiên tại mốc 1,685.83 điểm, tăng hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất, Tài nguyên cơ bản,... Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay trở lại bán ròng gần 1.5 nghìn tỷ trên sàn HSX, đồng thời cũng bán ròng trên hai sàn còn lại. Biên độ dao động lớn với dòng tiền bán – mua cân bằng khiến diễn biến sắp tới trong ngắn hạn khó đoán định. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng, VN-Index khả năng cao sẽ tiếp tục tìm điểm cân bằng trong vùng 1,625 – 1,670.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 4111G6000, 4111G3000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 29/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.33** điểm, đóng cửa tại **1685.83** điểm. HNX-Index **+1.26** điểm, đóng cửa tại **268.04** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.34)**, **BID (+1.13)**, **VJC (+1.05)**, **HDB (+0.98)**, **BSR (+0.82)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-6.82)**, **VHM (-2.87)**, **VRE (-0.43)**, **HVN (-0.41)**, **VPL (-0.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,498** tỷ đồng, giảm **-15.16%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,773 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 20.31 điểm. Thị trường có **246** mã tăng, 39 mã tham chiếu, **88** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1489.44** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **ACB (-771.71 tỷ)**, **MBB (-148.97 tỷ)**, **VIX (-137.67 tỷ)**, **SSI (-130.71 tỷ)**, **HPG (-123.06 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-67.13** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **1.02%**. Các mã diễn biến tích cực:
BSR (+6.84%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+3.73%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+3.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **1.28%**. Các mã diễn biến tích cực:
CTD (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
NLG (+4.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
OCB (+4.23%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.02%	1.28%	0.32%	0.02%
1 tuần	0.68%	0.32%	0.44%	0.98%
1 tháng	-2.18%	-3.38%	1.16%	4.70%
3 tháng	5.24%	1.62%	12.20%	20.71%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,685.83	268.04	112.64
% 1D	0.32%	0.47%	1.51%
GTKL (tỷ VND)	23,498	1,362	627
%1D	-15.16%	-39.74%	4.88%
GDNN (tỷ VND)	-1489.44	-67.13	-3.41

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	166.78	ACB	-771.71
FPT	117.03	MBB	-148.97
GEX	80.99	VIX	-137.67
VJC	45.49	SSI	-130.71
HAH	40.05	HPG	-123.06

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

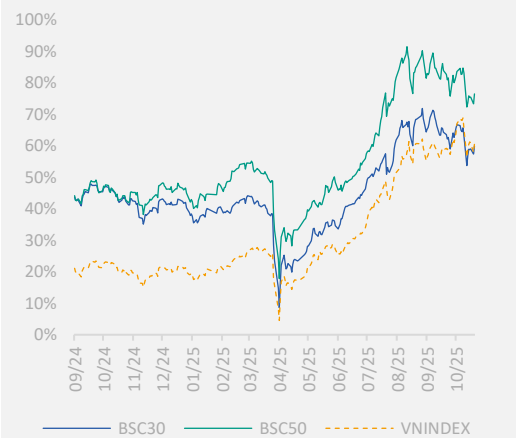
		%D	%W
SPX	6,891	0.23%	2.31%
FTSE100	9,738	0.42%	2.34%
Eurostoxx	5,724	0.28%	1.30%
Shanghai	4,016	0.70%	2.62%
Nikkei	51,308	2.17%	4.26%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.22	0.61%
Giá vàng	4,019	1.68%
Tỷ giá		
USD/VND	26,345	-0.02%
EUR/VND	31,472	0.01%
JPY/VND	178	0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.00%
LS LNH 1M	5.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

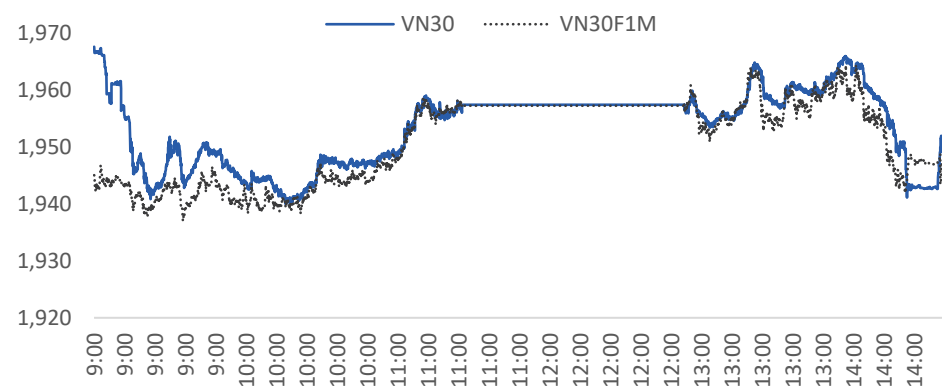
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1947.00	0.31%	273,188	-33.2%	20/11/2025	22
41I1G6000	1934.00	-0.05%	21	-56.3%	18/06/2026	232
VN30F2512	1944.90	0.54%	774	-53.5%	18/12/2025	50
41I1G3000	1929.10	-0.05%	72	-34.55%	19/03/2026	141

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +0.48 điểm, đóng cửa tại 1949.76 điểm. Biên độ dao động 26.03 điểm. Các cổ phiếu như VJC, HPG, HDB, LPB, VPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa gần mốc tham chiếu, chỉ số nhích nhẹ cuối phiên sau nhịp điều chỉnh từ sáng cảu nhóm cổ phiếu trụ. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức dưới MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000, 41I1G3000. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2509	19/11/2025	21	57,600	22.33%	120.74	170	41.7%	0.00	124.41	101.70	101.70
CSTB2512	23/02/2026	117	200	4.96%	46.00	3,510	31.5%	3.17	60.04	57.20	57.20
CVHM2517	3/12/2025	35	34,300	17.43%	88.89	6,600	24.5%	3.11	121.89	103.80	103.80
CSTB2518	11/12/2025	43	94,000	3.43%	44.00	3,790	23.5%	3.37	59.16	57.20	57.20
CSTB2522	3/12/2025	35	198,800	4.66%	54.57	1,060	23.3%	0.86	59.87	57.20	57.20
CSTB2528	23/02/2026	117	62,000	4.97%	49.00	3,680	23.1%	3.45	60.04	57.20	57.20
CVPB2526	25/06/2026	239	1,800	21.74%	32.60	1,870	23.0%	1.25	36.34	29.85	29.85
CSTB2527	25/06/2026	239	5,200	36.90%	66.56	2,350	20.5%	0.88	78.31	57.20	57.20
CSHB2507	3/12/2025	35	98,700	3.27%	12.98	2,470	19.9%	2.20	17.35	16.80	16.80
CSTB2530	25/06/2026	239	2,100	27.97%	67.80	2,700	18.4%	2.02	73.20	57.20	57.20
CVPB2518	3/02/2026	97	300	4.65%	21.00	2,560	18.0%	2.29	31.24	29.85	29.85
CVPB2512	13/04/2026	166	400	3.65%	18.50	6,390	17.0%	6.05	30.94	29.85	29.85
CSTB2517	15/12/2025	47	165,400	1.57%	45.00	6,550	17.0%	6.29	58.10	57.20	57.20
CSTB2511	19/12/2025	51	300	1.96%	45.00	3,330	16.8%	3.16	58.32	57.20	57.20
CHDB2505	23/02/2026	117	28,900	10.47%	27.78	2,280	14.0%	1.60	36.90	33.40	33.40
CHPG2535	25/03/2026	147	11,400	17.58%	29.70	1,170	13.6%	0.81	32.04	27.25	27.25
CSHB2506	11/12/2025	43	4,700	4.60%	12.57	2,830	12.7%	2.44	17.57	16.80	16.80
CSTB2526	24/02/2026	118	36,800	10.21%	55.00	1,340	12.6%	1.08	63.04	57.20	57.20
CHPG2530	23/06/2026	237	3,800	20.92%	28.60	1,450	12.4%	0.93	32.95	27.25	27.25
CSTB2519	23/06/2026	237	226,500	8.30%	51.00	3,650	12.3%	3.71	61.95	57.20	57.20

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 29/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2509 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 41.67%. CVHM2512 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.47%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CSSB2509, CFPT2503, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408, CVIC2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	195.10	4.05%	3.08
HPG	27.25	1.68%	2.78
HDB	33.40	3.73%	2.31
LPB	53.90	2.08%	2.25
VPB	29.85	1.36%	1.25

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	212.00	-3.68%	-10.46
VHM	103.80	-2.99%	-3.35
VRE	35.95	-2.31%	-1.09
FPT	101.70	-0.49%	-0.64
VIB	19.00	-1.04%	-0.25

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	60.70	1.17%	1.34	8.36
BID	37.80	1.89%	1.13	7.02
VJC	195.10	4.05%	1.05	0.59
HDB	33.40	3.73%	0.98	3.51
BSR	17.20	6.83%	0.82	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	164.60	3.52%	0.69	0.20
IDC	37.90	2.71%	0.23	0.38
HUT	17.10	1.79%	0.19	1.07
BAB	12.50	2.46%	0.17	0.96
PVS	31.90	1.27%	0.11	0.48

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KHG	7.67	6.97%	0.05	32.47
CTD	99.80	6.97%	0.16	2.66
LDG	4.15	6.96%	0.02	2.40
SMC	11.55	6.94%	0.01	0.42
HAG	16.95	6.94%	0.34	24.99

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	144.40	9.98%	0.48	0.02
QHD	31.10	9.89%	0.07	0.00
PDB	23.40	9.86%	0.07	0.13
CTB	30.20	9.82%	0.15	0.01
PPP	20.50	9.63%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	212.00	-3.68%	-6.82	3.88
VHM	103.80	-2.99%	-2.87	4.11
VRE	35.95	-2.31%	-0.43	2.27
HVN	32.50	-1.81%	-0.41	3.11
VPL	79.20	-1.00%	-0.32	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	30.80	-4.94%	-0.35	0.38
PVI	71.40	-1.52%	-0.15	0.23
DTK	11.70	-2.50%	-0.12	0.68
NTP	64.90	-1.52%	-0.10	0.17
MBS	29.90	-0.66%	-0.07	0.57

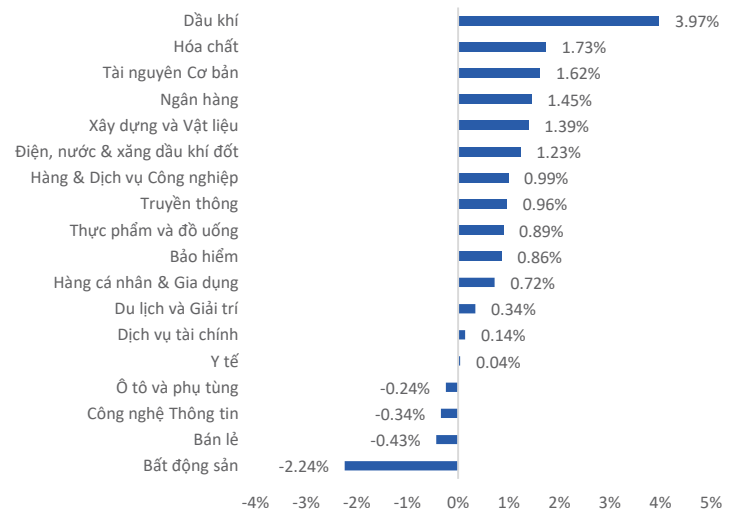
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	33.90	-7.00%	-0.05	0.05
SVD	6.36	-6.88%	0.00	0.05
SSC	31.00	-6.06%	-0.01	0.00
VIC	212.00	-3.68%	-6.76	2.85
VHM	103.80	-2.99%	-2.87	3.77

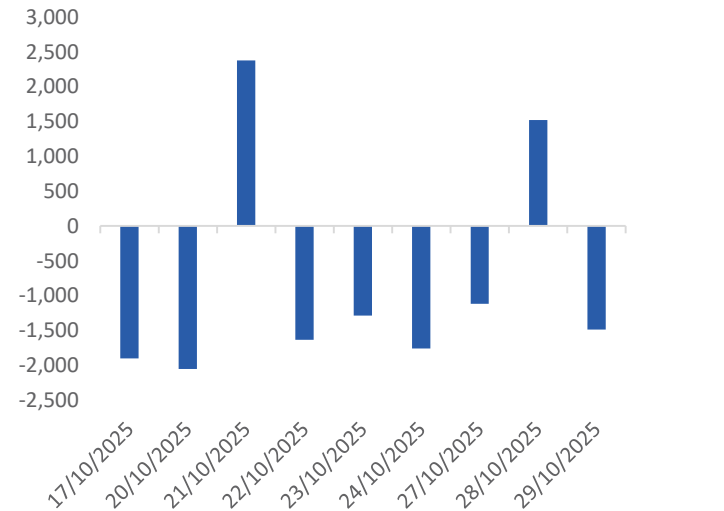
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ALT	12.20	-9.63%	-0.02	0.00
SMT	14.40	-9.43%	-0.03	0.23
PEN	8.90	-9.18%	-0.01	0.00
SDU	18.20	-8.54%	-0.11	0.00
EBS	11.80	-8.53%	-0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.1	-0.1%	1.3	124,486	489.9	3,955	21.3	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.1	1.0%	1.2	32,679	168.1	1,835	18.9	46,000	10.6%	Link
KDH	Bất động sản	34.4	2.7%	1.4	37,594	560.8	716	46.8	39,900	26.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.0	0.0%	1.6	22,536	205.6	211	109.0	28,200	10.1%	Link
VHM	Bất động sản	103.8	-3.0%	0.9	439,493	393.8	6,984	15.3	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.7	-0.5%	0.6	174,098	957.4	5,280	19.4	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	17.2	6.8%	0.0	80,613	75.8	(16)		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	31.9	1.3%	1.6	15,056	113.5	3,040	10.4	42,800	10.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.0	0.0%	1.4	25,919	250.9	1,454	16.5		36.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.6	-0.7%	1.4	74,422	827.2	1,882	19.1		34.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.9	-0.9%	1.3	27,603	252.0	1,589	24.0		20.9%	
DCM	Hóa chất	35.2	1.2%	1.3	18,423	141.0	3,186	10.9	47,300	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	94.4	0.4%	1.4	35,699	114.3	8,296	11.3	109,300	11.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.4	0.0%	0.9	130,471	924.7	3,385	7.5	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.8	1.9%	1.0	260,493	120.7	3,683	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.7	1.3%	1.2	263,130	372.2	5,608	8.7	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	33.4	3.7%	1.2	123,788	1162.3	3,929	8.2	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	24.4	1.5%	1.2	193,320	686.6	3,017	8.0	32,000	21.4%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	2.9%	1.1	38,064	135.7	1,634	7.5	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	57.2	0.7%	1.0	107,080	362.2	6,148	9.2		17.0%	
TCB	Ngân hàng	36.4	1.1%	1.0	255,105	498.9	3,113	11.6	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.2	1.1%	1.2	47,423	203.2	2,423	7.4	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	60.7	1.2%	0.9	501,341	269.1	4,148	14.5	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.0	-1.0%	0.9	65,357	115.5	2,218	8.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.9	1.4%	1.1	233,654	811.4	2,603	11.3	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	1.7%	1.3	205,702	1194.7	1,750	15.3	34,300	18.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	0.9%	1.3	10,464	53.2	751	22.4	23,800	5.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.8	3.7%	1.3	9,930	120.1	4,124	6.3	31,700	3.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.2	0.3%	1.2	114,227	668.6	2,196	36.0	92,700	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.5	0.2%	0.8	119,963	113.9	4,101	14.0	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.8	-0.62%	1.4	8,858	31.9	2,413	16.6	20.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	145.0	-2.03%	0.9	25,205	85.1	3,163	46.8	32.0%		Link
BVH	Bảo hiểm	50.2	0.60%	1.2	37,042	17.3	3,278	15.2	27.0%		
DIG	Bất động sản	21.2	0.95%	1.4	16,685	165.4	209	100.3	5.5%	4.4%	
DXG	Bất động sản	21.0	-0.24%	1.5	21,397	373.0	350	60.1	22.2%		Link
HDC	Bất động sản	34.0	-0.29%	1.4	6,082	126.9	3,424	10.0	6.3%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.9	0.65%	1.6	11,358	46.1	540	56.9	20.4%		Link
IDC	Bất động sản	37.9	2.71%	1.4	14,004	126.3	3,977	9.3	11.2%		Link
NLG	Bất động sản	38.5	4.91%	1.3	17,782	155.7	1,694	21.6	45.9%		Link
SIP	Bất động sản	56.6	2.91%	1.1	13,316	46.7	5,215	10.6	3.3%		
SZC	Bất động sản	31.0	2.48%	1.1	5,445	28.1	1,763	17.2	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	22.2	1.14%	1.4	19,068	126.0	1,095	20.1	12.3%		Link
VIC	Bất động sản	212.0	-3.68%	0.9	848,049	609.8	3,487	63.1	3.8%		
VRE	Bất động sản	36.0	-2.31%	0.9	83,621	322.1	1,937	19.0	15.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.8	0.25%	1.3	8,406	21.4	1,700	23.4	38.4%		Link
PLX	Dầu khí	34.5	1.32%	1.0	43,264	46.3	1,661	20.5	15.3%		Link
PVD	Dầu khí	20.5	1.49%	1.3	11,201	67.3	1,428	14.1	3.4%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.8	-1.84%	1.4	12,266	60.7	1,262	28.0	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.9	-0.66%	1.7	19,827	84.3	1,671	18.0	5.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.2	0.33%	1.1	144,777	39.0	5,002	12.0	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	3.25%	1.3	32,435	159.4	636	21.8	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.5	1.57%	0.8	34,395	28.0	4,417	14.4	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	195.1	4.05%	0.9	110,927	590.5	3,427	54.7	7.1%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.9	-0.20%	1.5	46,022	669.6	2,313	22.1	9.4%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.2	4.06%	1.2	28,362	283.7	3,822	17.4	42.7%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.0	3.51%	1.1	10,115	455.6	5,700	10.5	6.1%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.7	2.02%	1.2	8,130	47.4	2,306	7.5	8.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.0	-0.86%	0.0	14,127	75.0	3,317	35.0	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	95.5	0.63%	1.1	32,375	107.7	6,109	15.5	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.7	0.00%	1.0	3,210	22.2	2,693	10.6	49.1%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	-0.52%	1.4	2,497	11.5	2,884	6.7	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.0	1.05%	1.1	16,114	108.6	1,212	19.6	5.3%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.1	2.00%	1.3	110,200	110.4	1,331	20.7	0.3%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	23.2	1.53%	1.3	42,563	202.5	1,783	12.8	4.3%		Link
LPB	Ngân hàng	53.9	2.08%	0.5	157,728	121.5	3,469	15.2	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	1.40%	0.0	24,449	21.8	2,260	6.3	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	13.6	4.23%	0.9	34,620	223.4	1,130	11.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	0.31%	1.4	7,251	91.7	666	24.3	4.8%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.6	2.25%	1.4	7,708	67.8	2,829	10.2	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	0.48%	0.7	9,531	41.5	1,981	15.8	2.9%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.8	0.66%	0.6	58,292	41.4	3,185	14.3	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.3	3.74%	1.1	12,614	152.5	6,444	8.7	19.1%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	170.0	0.12%	0.5	13,900	30.8	14,639	11.6	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	99.8	6.97%	1.3	9,463	261.6	4,565	20.4	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.8	1.44%	1.2	10,352	82.5	5,128	17.7	5.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.1	1.73%	1.4	4,365	27.0	2,518	17.2	5.3%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.9	2.05%	1.3	7,263	130.6	1,077	13.6	9.7%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	3.57%	1.1	8,011	95.5	1,189	18.8	12.5%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.3	0.96%	1.2	16,808	169.3	1,195	21.8	6.6%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.1	1.69%	1.5	21,207	62.2	3,090	15.3	4.3%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>